TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VĨNH CHÂU** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2021/HS-ST
Ngày: 05/7/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Nguyễn Huỳnh Hoa.

- Ông Triệu Khánh Long.

Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Tú Phương, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Trần Kiều Mỹ, Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 7 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 21/2021/TLST-HS ngày 14 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2021/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2021/HSST-QĐ ngày 18/6/2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn N (tên gọi khác Ph), sinh ngày 10/7/1988, tại V C, tỉnh Sóc Trăng; Nơi cư trú: Khóm T N, phường K H, thị xã V C, tỉnh Sóc Trăng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Sửa điện tử; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Nguyễn Tương L (s) và bà Lý Thị D (s); Anh, chị, em ruột: 03 người; Vợ: Trần Thị B và 01 đứa con; Tiền sự, Tiền sự: Không có; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 02/12/2020, chuyển tạm giam ngày 08/12/2020 cho đến nay; (Bị cáo có mặt).

Bị hại:

1. Diệp Thị Sà L1, sinh năm 1993; (có mặt).

2. Sơn Sà V, sinh năm 1974; (có mặt).

Cùng nơi cư trú: ấp X T, xã L H, thị xã V C, tỉnh Sóc Trăng;

3. Huỳnh Thị L2, sinh năm 1966; (có mặt).

4. Đỗ Minh H, sinh năm 1970; (có mặt).

Cùng nơi cư trú: Ấp H H, xã L H, thị xã V C, tỉnh Sóc Trăng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Huỳnh S, sinh năm 1964*;* Nơi cư trú: Ấp P C, xã L H, thị xã V C, tỉnh Sóc Trăng; (có mặt).

2. Huỳnh Tuấn Ph1, sinh năm 1987; Nơi cư trú: Số A, ấp Đ, xã T X, huyện H M, Thành phố Hồ Chí Minh; (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Huỳnh Đức N1, sinh năm 1972; Nơi cư trú: Ấp P C, xã L H, thị xã V C, tỉnh Sóc Trăng; (có mặt).

4. Diệp T, sinh năm 1971; Nơi cư trú: Ấp X T, xã L H, thị xã V C, tỉnh Sóc Trăng; (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người làm chứng:

1. Trần La R, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Ấp T C, xã V T, thị xã V C, tỉnh Sóc Trăng; (vắng mặt).

2. Đỗ Minh Q, sinh năm 1974; Nơi cư trú: Khóm E, Phường Y, thành phố B L, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

3. Lý Thị D, sinh năm 1965; (có mặt).

4. Trần Thị B, sinh năm 1989; (có mặt).

Cùng nơi cư trú: Khóm T N, phường K H, thị xã V C, tỉnh Sóc Trăng.

5. Trần Thị Sà Ph3, sinh năm 1972; Nơi cư trú: Ấp P C, xã L H, thị xã V C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

6. Kim Thị D1, sinh năm 1997; Nơi cư trú: Khóm C L, Phường Y, thị xã V C, tỉnh Sóc Trăng; (có đơn xin xét xử vắng mặt).

7. Triệu Thị Chanh T1, sinh năm 1985; Nơi cư trú: Khóm S C, Phường Y, thị xã V C, tỉnh Sóc Trăng; (vắng mặt).

Người phiên dịch tiếng Khmer: Ông Sơn Chốt – nguyên là cán bộ Đài truyền thanh thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng; (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 10 năm 2020, bị hại Diệp Thị Sà L1 đến gặp bị cáo Nguyễn Văn N nhờ làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ tên Lâm Đ (người đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) sang tên Diệp T (cha ruột bị hại Diệp Thị Sà L1) và giao cho bị cáo N bản sao các loại giấy tờ gồm: Giấy CMND và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến ngày 25/11/2020, bị cáo N L1n mạng Facebook tìm chỗ làm giấy tờ

nhà đất và kết bạn qua Zalo với người có tên Nguyễn H1 (ĐT 0332.372.xxx) tên Nguyễn H1 trả lời làm được với giá **5.000.000 đồng**, còn bị cáo N nói với bị hại Diệp Thị Sà L1 giá **8.000.000 đồng**. Sau đó N chụp hình các giấy tờ và hình ảnh của các vị Chủ tịch, Phó Chủ tịch và chữ ký của ông Lâm Văn K (đã chết) cho tên Nguyễn H1 để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả. Đến ngày 30/11/2020 tên Nguyễn H1 giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị cáo N (giao qua dịch vụ giao hàng tiết kiệm). Khi nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do tên Nguyễn H1 giao thì bị cáo N biết đó là giấy tờ giả. Tuy nhiên, đến ngày 01/12/2020 N vẫn đem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Diệp T nêu trên giao cho bị hại Diệp Thị Sà L1 tại quán cà phê A. Sau đó, bị hại Diệp Thị Sà L1 tiếp tục nhờ bị cáo N làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng L1n đất thổ cư và N nói giá 3.600.000 đồng. Đến ngày 02/12/2020 bị cáo N và bị hại L1 hẹn giao nhận tiền và giấy tờ tại quán cà phê C thì bị Công an theo dõi bắt quả tang. Đồng thời, tiến hành khám xét chỗ ở của bị cáo Nguyễn Văn N thu giữ được một số loại giấy tờ và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do người khác nhờ làm thủ tục.

Tại Bản kết luận giám định số: 23/PC09-GĐ ngày 27/01/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự thuộc Công an tỉnh Sóc Trăng kết luận:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C296120 đứng tên Diệp T, sinh năm 1971, ngụ ấp X T, xã L H, thị xã V C, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 30/11/2020 (ký hiệu A) so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C658065, cấp ngày 22/10/1996 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM203674, ký cấp ngày 30/6/2008 do Ủy nhân dân huyện V C, tỉnh Sóc Trăng cấp làm mẫu so sánh giám định (ký hiệu M1, M2) là giả, không do cơ quan có thẩm quyền cấp.

Tại cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Vĩnh Châu, bị cáo Nguyễn Văn N thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số: 21/CT-VKS-VC ngày 12 tháng 5 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu truy tố bị cáo Nguyễn Văn N về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo khoản 1 Điều 174 và tội "*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*" theo điểm d khoản 2 Điều 341 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

Bị cáo Nguyễn Văn N dùng thủ đoạn gian dối bằng lời nói làm cho bị hại Diệp Thị Sà L1 tin đó là thật nên tự nguyện giao cho bị cáo N số tiền 11.600.000 đồng để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả. Xét thấy, hành vi của bị cáo Nguyễn Văn N có đủ yếu tố cấu thành tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Đồng thời, bị cáo Nguyễn Văn N đã giúp sức cho người khác làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức*" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 341 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó,

Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn N. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét:

+ Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn N, phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" và tội "*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*".

+ Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 38; Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

Điểm d khoản 2 và khoản 4 Điều 341; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38; Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội "*Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức*".

Tổng hợp hình phạt chung bị cáo Nguyễn Văn N phải chấp hành từ 02 năm 09 tháng tù đến 03 năm 06 tháng tù.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn N số tiền 5.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

+ Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn N có trách nhiệm bồi thường cho các bị hại: Diệp Thị Sà L1 số tiền 8.000.000 đồng; Sơn Sà V số tiền 4.900.000 đồng; Huỳnh Thị L2 và Đỗ Minh H số tiền 9.370.000 đồng.

+ Về xử lý vật chứng:

- Trả cho bị hại Diệp Thị Sà L1 số tiền do Công an thu giữ: 3.600.000 đồng.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu vàng đồng do bị cáo Nguyễn Văn N sử dụng làm phương tiện phạm tội.

- Tịch thu tiêu hủy: Sim số điện thoại 0366267251 do không còn giá trị sử dụng.

Theo Phiếu nhập kho số: NK43 ngày 17/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu.

- Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn N trình bày:

Bị cáo Nguyễn Văn N thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng truy tố, thống nhất ý kiến đề nghị của Vị Kiểm sát viên. Bị cáo Nguyễn Văn N nói lời sau cùng là xin giảm nhẹ một phần hình phạt.

- Tại phiên tòa, các bị hại Diệp Thị Sà L1, Sơn Sà V, Huỳnh Thị L2 và Đỗ Minh H (chồng bị hại L1) trình bày:

Các bị hại thống nhất với nội dụng Cáo trạng đã truy tố cũng như lời nhận tội của bị cáo Nguyễn Văn N. Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn N

trả lại số đã chiếm đoạt; Về hình phạt: Các bị hại đề nghị xử lý bị cáo theo quy định pháp luật.

- Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh S trình bày:

Ông Huỳnh S có quen biết với bị cáo Nguyễn Văn N, nên có giới thiệu bị hại Diệp Thị Sà L1 và một số người khác để cho bị cáo N làm các loại giấy tờ trong đó có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Còn việc bị cáo Nguyễn Văn N lừa dối những người này làm giấy tờ giả thì ông Huỳnh S không biết và bị cáo N cũng không có chia tiền cho ông Huỳnh S.

- Tại cơ quan điều tra, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Diệp T trình bày:

Vào khoảng tháng 10 năm 2020, có ông Huỳnh S giới Thiệu làm giấy chứng nhận quyền sử dụng do ông Diệp T nhận chuyển nhượng của người khác. Sau đó, có kêu con là Diệp Thị Sà L1 liên hệ và cung cấp bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người làm giấy. Sau khi nhận được giấy chúng nhận quyền sử dụng đất phát hiện giấy giả do bị lừa nên đã đi trình báo cơ quan Công an.

- Tại cơ quan điều tra, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Tuấn Ph1 trình bày:

Ông Huỳnh Tuấn Ph1 là nhân viên giao hàng tiết kiệm cho Công ty giao hàng tiết kiệm Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh. Ông Ph1 chỉ đi giao hàng, không biết mặt người gửi hàng và cũng không biết hàng giao cho người nhận là hàng gì.

- Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Đức N1 trình bày:

Ông Huỳnh Đức N1 có nhờ ông Huỳnh S tìm người làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất. Sau khi bị cáo Nguyễn Văn N bị bắt thì mới biết ông Huỳnh S nhờ bị cáo N làm thủ tục sang quyền sử dụng đất giùm cho ông N1. Ông N1 chỉ giao bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị cáo N nhưng chưa giao tiền. Nay ông Huỳnh Đức N1 yêu cầu được nhận lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Tại phiên tòa, những người làm chứng Trần Thị B và bà Lý Thị D trình bày:

Thống nhất với lời khai của bị cáo Nguyễn Văn N và lời trình bày của các bị hại. Còn việc bị cáo Nguyễn Văn N lừa đối và làm giấy tờ giả như thế nào thì bà D và chị B không biết, đến khi bị cáo bị bắt mới biết sự việc.

- Tại cơ quan điều tra, những người làm chứng như Đỗ Minh Q, Trần La R, Trần Thị Sà Ph3, Kim Thị D1, Triệu Thị Chanh T1 trình bày:

Không biết việc bị cáo Nguyễn Văn N lừa dối các bị hại và những người khác để làm giấy tờ giả, đến khi bị cáo N bị bắt mới biết sự việc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra và Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại xuất trình chứng cứ phù hợp với quy định pháp luật; bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến phản đối hoặc khiếu nại về hành vi quyết định tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng minh và chứng cứ: Xét thấy, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Vĩnh Châu đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật được quy định tại các Điều 85, 86, 87, 88, 91, 92, 94, 98, 100, 102, 104, 105, 106, 108 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Tại phiên tòa: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm Diệp T và ông Huỳnh Tuấn Ph1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; những người làm chứng gồm Đỗ Minh Q, Trần La R, Trần Thị Sà Ph3, Kim Thị D1, Triệu Thị Chanh T1 đều vắng mặt. Nhận thấy, trong quá trình điều tra đã có lời khai đầy đủ và rõ ràng. Xét thấy, sự vắng mặt của những người nêu trên không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án. Do đó, căn cứ vào Điều 292 và Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người nêu trên theo quy định của pháp luật.

[4] Trong quá trình điều tra cũng như trước khi mở phiên tòa, cơ quan tiến hành tố tụng xác định tư cách tham gia tố tụng đối với Đỗ Minh H, Huỳnh Đức N1 và Diệp T là người làm chứng là không chính xác. Nay Hội đồng xét xử xác định lại tư cách tham gia tố tụng của: Ông Đỗ Minh H (chồng bị hại Huỳnh Thị L2) là người bị hại; ông Huỳnh Đức N1 và ông Diệp T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định Điều 62 và Điều 65 của Bộ luật tố tụng hình sự là đúng quy định của pháp luật.

[5] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn N thừa nhận hành vi phạm tội, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ, thể hiện: Từ đầu tháng 10 năm 2020 đến tháng 12 năm 2020, bị cáo Nguyễn Văn N có hành vi dùng thủ đoạn gian dối bằng cách làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, không phải do cơ quan Nhà nước ban hành (đặt mua trên mạng xã hội) để lừa dối chiếm đoạt tiền của bị hại Diệp Thị Sà L1 số tiền 8.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn N không dừng lại, mà khi bị hại Diệp Thị Sà L1 có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng L1n đất thổ cư thì bị cáo N tiếp tục lừa dối chiếm đoạt tiền của bị hại L1 số tiền 3.600.000 đồng. Trong lúc nhận tiền của bị hại Diệp Thị Sà L1 tại quán cà phê C thì bị Công an bắt quả tang. Tổng số tiền bị cáo Nguyễn Văn N chiếm đoạt của bị hại Diệp Thị Sà L1 là 11.600.000 đồng.

Ngoài ra, bị cáo Nguyễn Văn N còn nhận tiền của các bị hại Sơn Sà V số tiền 4.900.000 đồng; các bị hại Huỳnh Thị L2 và Đỗ Minh H số tiền 9.370.000 đồng để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng chưa thực hiện được.

[6] Xét thấy tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn N là nguy hiểm cho xã hội, thủ đoạn tinh vi. Bản thân bị cáo nhận thức rõ là việc đặt làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên mạng xã hội là giả, không có giá trị pháp lý, nhưng bị cáo N đã đưa ra những thông tin gian dối, không đúng sự thật để người bị hại tin đó là thật nhằm chiếm đoạt tiền của bị hại để thỏa mãn nhu cầu tiêu xài cá nhân. Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn N không những đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội, gây bức xúc cho quần chúng nhân dân. Đồng thời, hành vi của bị cáo Nguyễn Văn N đã xâm phạm đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước về thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[7] Do có hành vi phạm tội nêu trên, Xét thấy, Cáo trạng số: 21/CT-VKS-VC ngày 12 tháng 5 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu truy tố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và tội "*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*" theo điểm d khoản 2 Điều 341 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai cho bị cáo, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Vì vậy, đối với bị cáo Nguyễn Văn N phải xử phạt thật nghiêm, cần cách ly bị cáo N ra khỏi đời sống xã hội trong thời gian hợp lý để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội sau này, cũng như nhằm răn đe, phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[8] Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn N đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã nêu, bị cáo N xác định Cáo trạng truy tố bị cáo phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" và tội "*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*" là không oan sai, thống nhất với ý kiến luận tội của Vị Kiểm sát viên. Bị cáo N xin giảm nhẹ một phần hình phạt.

[9] Động cơ phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn N là do bản chất tham lam, chỉ muốn hưởng thụ mà không chịu lao động. Muốn thỏa mãn cho nhu cầu cá nhân của mình, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người bị hại. Ý thức chủ quan của bị cáo là phạm tội do cố ý.

[10] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[10.1] Đối với tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản": Bị cáo Nguyễn Văn N đã 02 lần chiếm đoạt tiền của bị hại Diệp Thị Sà L1 (01 lần 8.000.000 đồng và 01 lần 3.600.000 đồng thì bị bắt quả tang). Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ Luật hình sự của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[10.2] Đối với tội "Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức": Bị cáo Nguyễn Văn N áp dụng tình tiết định khung nên không coi là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[11] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội có thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi phạm tội của mình; Bị cáo tự nguyện nộp tiền bồi thường Thiệt hại với số tiền 24.000.000 đồng (Biên L thu tiền số 001864 ngày 18/5/2021); Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[12] Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhân sự thỏa thuận giữa bị cáo Nguyễn Văn N với các bị hại: Bị cáo Nguyễn Văn N có trách nhiệm bồi thường Thiệt hại cho các bị hại cụ thể như sau :

+ Bồi thường cho bị hại Diệp Thị Sà L1 số tiền là 8.000.000 đồng.

+ Bồi thường cho bị hại Sơn Sà V số tiền 4.900.000 đồng.

+ Bồi thường cho bị hại Huỳnh Thị L2 và Đỗ Minh H số tiền 9.370.000 đồng.

[13] Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm a, c khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu vàng đồng do bị cáo Nguyễn Văn N sử dụng làm phương tiện phạm tội.

- Tịch thu tiêu hủy: Sim số điện thoại 0366267251 do không còn giá trị sử dụng.

- Trả cho bị hại Diệp Thị Sà L1 số tiền do Công an thu giữ: 3.600.000 đồng.

Theo Phiếu nhập kho số: NK43 ngày 17/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu.

Riêng đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Huỳnh Đức N1, Sơn Sà V; Huỳnh Thị L2 và Đỗ Minh H đã giao cho bị cáo Nguyễn Văn N trước khi bị bắt do Công an thu giữ khi khám xét tại nơi ở của bị cáo N. Đề nghị liên hệ với cơ quan điều tra Công an thị xã Vĩnh Châu để nhận lại bản gốc.

[14] Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Văn N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[15] Tại phiên tòa, xét thấy đề nghị của Vị Kiểm sát viên là có cơ sở, phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn N và đảm bảo quyền lợi hợp pháp của người bị hại, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[16] Đối với tên Nguyễn H1 do không xác định được địa chỉ, nên cơ quan điều tra Công an thị xã Vĩnh Châu chưa làm việc được. Đề nghị cơ quan điều tra Công an thị xã Vĩnh Châu tiếp tục điều tra làm rõ, có căn cứ xử lý theo quy định của pháp luật.

[17] Đối với ông Huỳnh S là người giới Thiệu bị cáo Nguyễn Văn N với bị hại Diệp Thị Sà L1 và những người khác để làm các loại giấy tờ. Ông Huỳnh S không biết bị cáo N dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người bị hại và cũng không có hưởng lợi từ hành vi phạm tội của bị cáo N. Do đó, cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý ông Huỳnh S vai trò đồng phạm là đúng quy định của pháp luật.

[18] Đối với các bị hại Huỳnh Thị L2 và Đỗ Minh H; bị hại Sơn Sà V cùng với những người khác cung cấp các loại giấy tờ cho bị cáo Nguyễn Văn N là thỏa thuận dân sự. Cơ quan điều tra chưa có căn cứ chứng minh có dấu hiệu tội phạm, nên không xử lý là đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn N (tên gọi khác Ph), phạm tội " *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" và phạm tội "*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*"

Căn cứ vào: Khoản 1 và khoản 5 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 ; Điều 55; khoản 1 Điều 38 của Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với tội " *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

Căn cứ vào: điểm d Khoản 2 và khoản 4 Điều 341; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 55; khoản 1 Điều 38 của Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với tội "*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*" .

Tuyên xử:

1. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N (Ph): 01 (một) năm tù về tội " *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*". Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn N số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N (Ph): 02 (hai) năm tù về tội " *Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*". Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn N số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

Tổng hợp hình phạt chung bị cáo Nguyễn Văn N phải chấp hành là: **03 (ba) năm tù.** Thời gian phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ ngày 02/12/2020.

Tổng hình phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn N số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Các Điều 584, 585, 586 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015:

Ghi nhân sự thỏa thuận giữa bị cáo Nguyễn Văn N với các bị hại: Bị cáo Nguyễn Văn N có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho các bị hại cụ thể như sau:

+ Bồi thường cho bị hại Diệp Thị Sà L1 số tiền là 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng).

+ Bồi thường cho bị hại Sơn Sà V số tiền 4.900.000 đồng (Bốn triệu chín trăm nghìn đồng).

+ Bồi thường cho bị hại Huỳnh Thị L2 và Đỗ Minh H số tiền 9.370.000 đồng (Chín triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng).

Được khấu trừ vào số tiền 24.000.000 đồng do bị cáo Nguyễn Văn N nộp trước theo Biên L thu tiền số 001864 ngày 18/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu. Số tiền còn thừa lại 1.730.000 đồng giao cho Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu tiếp tục quản lý để đảm bảo việc thi hành án của bị cáo Nguyễn Văn N.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm a, c khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu vàng đồng do bị cáo Nguyễn Văn N sử dụng làm phương tiện phạm tội.

- Tịch thu tiêu hủy: Sim số điện thoại 0366267251 do không còn giá trị sử dụng.

- Trả cho bị hại Diệp Thị Sà L1 số tiền do Công an thu giữ: 3.600.000 đồng (Ba triệu sáu trăm nghìn đồng).

Theo Phiếu nhập kho số: NK43 ngày 17/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn N phải chịu là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được T1 hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014)".

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Cơ quan THAHS CA thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Sở TP tỉnh Sóc Trăng;
- CQCSĐT CA thị xã Vĩnh Châu;
- Bị cáo; Bị hại; NCQLNVLQ;
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh ST;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Vũ Phương